

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ K  
TỈNH K**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh P**

Bản án số: 54/2022/HS-ST.

Ngày: 17/6/2022.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ K - TỈNH K**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Xuân Hoài.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông A Brúk và bà Doãn Kim Huế.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Tô Quang Đô - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố K.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố K xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 08/2022/TLST-HS ngày 19 tháng 01 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2022/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 6 năm 2022 đối với bị cáo:

**A T**, sinh ngày 24 tháng 4 năm 2004 tại K; nơi cư trú: Thôn K, xã V, thành phố K, tỉnh K; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hoá: 7/12; dân tộc: Bana; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông A P, sinh năm 1989 và bà Y Y, sinh năm 1986; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam theo lệnh truy nã từ ngày **02/6/2022** đến nay. Có mặt.

**- Người bào chữa cho bị cáo:** Bà Đặng Thị Kim Nguyệt - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh K (có mặt).

**- Bị hại:** Ông Nguyễn Ngọc P, sinh năm 1981 Địa chỉ: Số 337 H, thành phố K, tỉnh K (vắng mặt).

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1/ Ông A H, sinh năm 1958 (có mặt); địa chỉ: Thôn 1, xã V, thành phố K, tỉnh K.

2/ Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1964 (vắng mặt); địa chỉ: Số 52 P, thành phố K, tỉnh K.

3/ A TH, sinh ngày 30/11/2006.

**- Người đại diện hợp pháp của A TH:** Ông A G; địa chỉ: Thôn 2, xã V, thành phố K, tỉnh K (Cùng vắng mặt).

4/ A CH, sinh ngày 26 tháng 11 năm 2000; địa chỉ: Thôn 1, xã V, thành phố K, tỉnh K. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giam Công an tỉnh K (vắng mặt).

- *Người làm chứng*: A Y, sinh năm 2000; địa chỉ: Thôn 1, xã V, thành phố K, tỉnh K (vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ ngày 13/9/2021, A T rủ A TH đột nhập vào cơ sở mộc của ông Nguyễn Ngọc P, tại thôn 1, xã V, thành phố K để trộm tài sản. A TH đồng ý. Đến khoảng 01 giờ đêm ngày 14/9/2021, A T cầm theo 01 chiếc cò lê, A TH cầm 01 chiếc kìm cùng treo qua tường rào vào bên trong cơ sở mộc của ông P tháo dỡ 01 mô tơ điện 03 pha của máy cưa đứng, sau đó đem cất giấu phía sau nhà A CH.

Khoảng 05 giờ sáng cùng ngày, A T và A TH nói với A CH về việc đã trộm cắp được mô tơ điện và rủ A CH cùng mang mô tơ đi bán lấy tiền tiêu xài. A CH đồng ý. Đến khoảng 06 giờ cùng ngày, A CH lấy xe mô tô BKS 82B1-932.24, chở A T cùng mô tô điện bán cho bà Nguyễn Thị L là chủ cơ sở thu mua phế liệu, tại địa chỉ Số 52 Phan Văn Bảy, phường Duy Tân, thành phố K, tỉnh K với giá 1.000.000 đồng và cùng chia A T 300.000 đồng, A TH 300.000 đồng, A CH 100.000 đồng, số tiền 300.000 đồng còn lại cùng nhau sử dụng chung hết.

**Kết luận định giá:** Trị giá 01 mô tô điện 03 pha của máy cưa đứng, màu xám là 5.250.000 đồng.

**Tại Cáo trạng** số 15/CT-VKSTPKT ngày 18/01/2022, Viện kiểm sát nhân dân thành phố K truy tố các bị cáo:

+ Truy tố bị cáo A CH về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” theo khoản 1 Điều 323 BLH. Hành vi của bị cáo A CH đã được xét xử tại Bản án số 30/2022/HS-ST ngày 30/3/2022.

+ Truy tố bị cáo A T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 BLHS. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử bị cáo A T bỏ trốn. Tòa án phải tạm đình chỉ xét xử hành vi của bị cáo, đến ngày 05/6/2022 bị bắt tạm giam theo lệnh truy nã. Tòa án ra quyết định phục hồi vụ án ngày 02/6/2022.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, điểm o khoản 1 Điều 52; các điều 38, 90, 91 và khoản 1 Điều 101 BLHS, xử phạt bị cáo A T từ 06 đến 09 tháng tù. Buộc bị cáo chịu án phí theo quy định.

Bà Đặng Thị Kim Nguyệt bào chữa cho bị cáo, thống nhất với luận tội của Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng cũng như các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ và xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự. Tuy nhiên đề nghị HĐXX xem xét bị cáo là người chưa thành niên, khi phạm tội mới 17 tuổi 04 tháng, là người dân tộc thiểu số, mới học đến lớp 7 nên nhận thức chưa chín chắn, để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, dưới 6 tháng tù.

Bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Lời sau cùng: Bị cáo nhận tội và xin giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

**\* Về tố tụng:** Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan CSĐT - Công an thành phố K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

**\* Về nội dung:**

[1] Trên cơ sở lời khai của các bị cáo, những người tham gia tố tụng khác và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã xác định:

Vào khoảng 01 giờ đêm ngày 14/9/2021, tại cơ sở mộc của ông Nguyễn Ngọc P, thôn Kon Rờ Bàng 1, xã Vinh Quang, thành phố K bị cáo A T và A TH đã lợi dụng sơ hở trong việc quản lý bảo vệ tài sản của chủ sở hữu, để lén lút chiếm đoạt 01 mô tơ điện 03 pha máy cưa đứng của ông P, trị giá 5.250.000 đồng.

Hành vi của bị cáo A T và A TH đã phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thành phố K, truy tố bị cáo A T là có căn cứ pháp luật.

Đối với A TH, khi thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản thì A TH mới 14 tuổi 09 tháng 14 ngày, nên A TH không phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm đã phạm.

[2] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội: Xét thấy, A TH và bị cáo A T thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an trên địa bàn thành phố K. Bị cáo A T có vai trò chính trong đồng phạm, vừa là người thực hành, vừa là người khởi xướng, rủ rê xúi giục A TH trộm cắp. Do đó cần xử lý nghiêm minh đối với bị cáo A T để có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo A T là người rủ rê, xúi giục A TH (người dưới 16 tuổi) trộm cắp tài sản nên phải chịu tình tiết tăng nặng “*Xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội*” quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo thành khẩn khai báo; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm s, i khoản 1 Điều 51 BLHS.

[4] Xét về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt; chưa có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu. Tuy nhiên trong giai đoạn chuẩn bị xét xử bị cáo bỏ trốn gây khó khăn cho quá trình giải quyết vụ án.

[5] Sau khi xem xét tính chất, vai trò và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội; xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải xử phạt mức án nghiêm minh, cách ly bị cáo với đời sống xã hội một thời gian đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, tính đến ngày phạm tội bị cáo là người chưa thành niên, 17 tuổi 4 tháng 19 ngày. Do đó HĐXX áp dụng quy định

về xử lý hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội khi lượng hình đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự đã được xử lý tại Bản án hình sự sơ thẩm số 30/2022/HS-ST ngày 30/3/2022 của Tòa án nhân dân thành phố K, tỉnh K (Bản án đã có hiệu lực pháp luật).

[7] Về án phí: Bị cáo A T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; các điều 38, 91 và khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015;

Tuyên bố bị cáo **A T** phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt bị cáo **A T** **07 (Bảy)** tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam **02/6/2022**.

**2.** Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo A T phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

**3.** Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (17/6/2022). Những người vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày được tính từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

### **Nơi nhận:**

- TAND Tỉnh KonTum;
- TAND Cấp cap tại Đà Nẵng;
- VKSND Thành phố KonTum
- Công an Thành phố KonTum;
- Chi cục THA DS Thành phố KonTum;
- Bị cáo, đại diện hợp pháp của bị cáo;
- Bị hại, người bào chữa  
và các đương sự ;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên**

**Nguyễn Xuân Hoài**